

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 01/8/2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**.

2. Bà **Lê Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Dương Nguyên Khang** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Hồng N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Phước H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Hồng N trình bày:***

Chị N và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H sống không có trách nhiệm với vợ con, không đưa tiền cho chị lo cho gia đình. Ngoài ra, anh H còn thường xuyên rượu chè, chửi mắng vợ con, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị và đuổi chị đi khỏi nhà. Cho nên, chị N và hai con phải ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống khoảng 05 tháng nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có hai người con chung là Huỳnh Phước H, sinh ngày 21/7/2003 và Huỳnh Phước L, sinh ngày 23/6/2010. Hiện hai con đang sống với chị N. Nếu ly hôn, chị N yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Huỳnh Phước H trình bày:**

Anh H thống nhất với chị N về thời gian sống chung và anh chị có đăng ký kết hôn do tự nguyện. Theo anh H, vợ chồng sống chung hạnh phúc, anh chị mới phát sinh mâu thuẫn khoảng 05 tháng nay, nguyên nhân chủ yếu do kinh tế khó khăn. Đồng thời, anh H thừa nhận có rượu chè với bạn bè, bản thân uống rượu vào thì mất kiểm soát nên về nhà có lớn tiếng chửi mắng vợ con và đuổi đi nên chị N và hai con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống khoảng 05 tháng nay. Hiện anh H vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung đúng như chị N trình bày. Nếu ly hôn, anh H yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị N nuôi hai con thì anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn, anh H yêu cầu được đoàn tụ nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng của chị N và anh H mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Hai con chung là cháu H và cháu L đang sống ổn định với chị N và hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Chị N yêu cầu nuôi hai con và tại phiên tòa, anh H cũng đồng ý giao hai con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng nên cần giao hai cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện sống chung vợ chồng năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị N và anh H không có hạnh phúc do kinh tế khó khăn, anh H thừa nhận có ham vui rượu chè với bạn bè, về nhà chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị N và còn đuổi chị đi nên chị N và hai con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống khoảng 05 tháng nay. Tuy anh H không có đánh đập chị N nhưng việc anh H thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị N đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của chị, làm cho cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc. Ngoài ra, anh H cho rằng bản thân thấy hối hận về hành động của mình và vẫn còn thương vợ nên xin được đoàn tụ và có đưa ra hướng đoàn tụ là cam kết hạn chế rượu chè, không chửi mắng xúc phạm vợ, khi chị N trở về nhà sẽ giao tiền cho chị quản lý nhưng trong thời gian anh chị sống ly thân, anh H không có hành động cụ thể để chứng minh cho chị N thấy được thiện chí và nguyện vọng của anh. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2] Về con chung: Chị N và anh H chung sống có hai con chung là Huỳnh Phước H, sinh ngày 21/7/2003 và Huỳnh Phước L, sinh ngày 23/6/2010, hai cháu đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con. Tại phiên tòa, anh H đồng ý giao hai con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, hai con sống chung với chị N, hai cháu vẫn được học hành, được mẹ chăm sóc tốt và hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, cần giao cháu H và cháu L cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Tuy chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi hai con thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh H.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H đều trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N và anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án, xét thấy phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Hồng N đối với anh Huỳnh Phước H. Chị N được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Chị N và anh H có hai người con chung là Huỳnh Phước H, sinh ngày 21/7/2003 và Huỳnh Phước L, sinh ngày 23/6/2010.

Chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu L.

Ghi nhận anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H, cháu L đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Đặng Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Phước H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh H còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003744 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp xong án phí.

Anh Huỳnh Phước H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH